

BẢNG TỔNG HỢP GIỜ DẠY THÊM - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

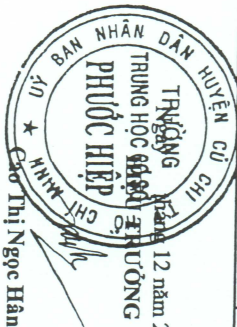
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2023-2024
TỪ THÁNG 01-05/2024

Stt	Họ và tên	Môn dạy	Chú nhiệm	Số học viên		T01	T02	T03	T04	T05	Tổng số tiết dạy thực	Tổng số tiết dạy thiếu	Tổng số tiết thực chi	TL dạy thêm 1 giờ	Tổng số tiền dạy thêm giờ	Ghi chú
01	Vũ Hải Ly	Văn 9	Chủ nhiệm lớp 9	12	30	12	24	18	18	18	102	0	102	258.276	26.344.152	
02	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Toán 9		12	25	10	20	15	15	15	85	0	85	211.216	17.953.360	
03	Cao Phương Duy	Lý 9		12	10	4	8	6	6	6	34	0	34	82.530	2.806.020	
04	Bùi Thanh Tiên	Hóa 9		12	10	4	8	6	6	6	34	0	34	220.542	7.498.428	
05	Bùi Văn Bằng Nhân	Sinh 9		12	10	4	8	6	6	6	34	0	34	127.485	4.334.490	
06	Hà Thị Hoài	Sư 9		12	10	4	8	6	6	6	34	0	34	138.153	4.697.202	
07	Trần Thị Thanh Vy	Địa 9		12	5	2	4	3	3	3	17	0	17	130.612	2.220.404	
Tổng cộng				12	100	40	80	60	60	60	340	0	340		65.854.056	

Kết toán với số tiền là : Sáu mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi bốn ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng./.

Người lập bảng

Phạm Phú Khánh



BẢNG TỔNG HỢP GIỜ DẠY THÊM - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2023-2024
TỪ THÁNG 01-05/2024

Sst	Họ và tên	Môn dạy	Chức nhiệm	Số học viên	T01	T02	T03	T04	T05	Tổng số tiết dạy thực	Tổng số tiết dạy thiếu	Tổng số tiết thực chỉ	TL dạy thêm 1 giờ	Tổng số tiền dạy thêm giờ	Ghi chú
01	Trương Mộng Linh	Toán 9		9	24	12	24	22		82	0	82	217,877	17,865,914	
02	Đào Thị Ngọc Xuyên	Văn 9		9	24	12	24	22		82	0	82	188,932	15,492,424	
03	Phạm Ngọc Phương	Sinh 9		9	8	4	12	12		36	0	36	176,516	6,354,576	
04	Trần Minh Trọng	Lý 9		9	8	4	12	12		36	0	36	249,323	8,975,628	
05	Nguyễn Văn Hợp	Địa 9		9	8	4	8	12		32	0	32	192,793	6,169,376	
06	Cao Minh Hào	Sử 9		9	8	4	8	12		32	0	32	228,827	7,322,464	
07	Phạm Thanh Tùng	Hóa 9		9	8	4	12	14		38	0	38	127,263	4,835,994	
08	Huỳnh Thanh Liêm	CN9	Chủ nhiệm lớp 9	9	4	2	4	4		14	0	14	264,081	3,697,134	
Tổng cộng					9	92	46	104	110	0	352	0	352	70,713,510	

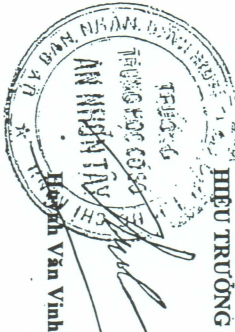
Kết toán với số tiền là : Bảy mươi triệu, bảy trăm mười ba ngàn, năm trăm mười đồng/.

Người lập bảng

Huỳnh Thanh Liêm

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



BẢNG TỔNG HỢP GIỜ DẠY THÊM - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2023-2024

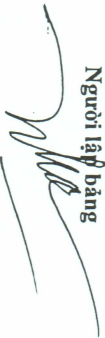
TỪ THÁNG 01-05/2024

Stt	Họ và tên	Môn dạy	Chức nhiệm	Số học viên	T01	T02	T03	T04	T05	Tổng số tiết thực dạy	Tổng số tiết dạy thiếu	Tổng số tiết thực chi	TL dạy thêm 1 giờ	Tổng số tiền dạy thêm giờ	Ghi chú
01	Phan Trần Sư Nhựt Giang	Dạy lớp	PT PCGD-Phó CT CB	16	70	28	56	18	0	172	0	172	248.985	42.825.420	
02	Nguyễn Vũ Như Lân	Dạy lớp	CN 8A6	16	60	24	48	14	0	146	0	146	91.701	13.388.346	
03	Hồ Hữu Khanh	Dạy lớp	CN 8A7	16	15	6	12	3	0	36	0	36	194.598	7.005.528	
04	Nguyễn Phương Trân	Dạy lớp	CN 8A3, Phòng Hóa	16	45	18	32	11	0	106	0	106	91.701	9.720.306	
05	Võ Thị Kim Sương	Dạy lớp	CN 9A16	16	15	6	12	3	0	36	0	36	214.078	7.706.808	
06	Huỳnh Thị Ngọc Châu	Dạy lớp	CN 9A7, NT LS	16	10	4	6	0	0	20	0	20	249.116	4.982.320	
07	Phạm Thị Thu Hằng	Dạy lớp	CN 8A8	16	30	12	22	5	0	69	0	69	212.590	14.668.710	
08	Nguyễn Văn Thiện	Dạy lớp	CN 8A9, GT	16	10	4	8	2	0	24	0	24	153.808	3.691.392	
09	Trần Thị Yến Em	Dạy lớp	CN 6A7	16	10	6	4	1	0	21	0	21	211.341	4.438.161	
Tổng cộng				16	265	108	200	57	0	630	0	630		108.426.991	

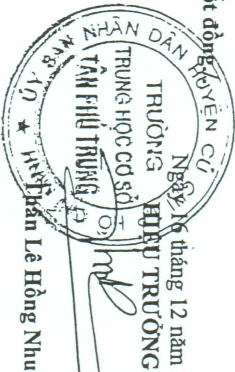
Kết toán với số tiền là : Một trăm lẻ tám triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm mười một đồng

phần

Người lập bảng



Phan Trần Sư Nhựt Giang



Phan Lê Hồng Nhung

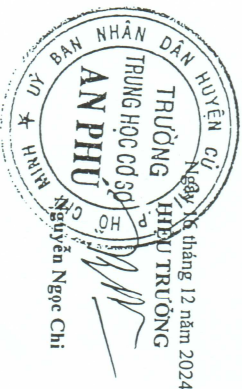
BẢNG TỔNG HỢP GIỜ DẠY THÊM - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2023-2024
TỪ THÁNG 01-05/2024

Sĩt	Họ và tên	Môn dạy	Chủ nhiệm	Số học viên	T01	T02	T03	T04	T05	Tổng số tiết dạy	Tổng số tiết dạy thiếu	Tổng số tiết thực chỉ	TL dạy thêm 1 giờ	Tổng số tiền dạy thêm giờ	Ghi chú
01	Nguyễn Tuấn Ngọc	Toán 8		16	20	15	20	10	0	65	0	65	101,400	6,591,000	
02	Võ Thanh Lý	Toán 9		11	24	15	20	11	0	70	0	70	247,116	17,298,120	
03	Đỗ Thị Chon	Văn 8,9		27	44	30	40	21	0	135	0	135	234,787	31,696,245	
04	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	GDGD 8		16	4	6	8	2	0	20	0	20	180,271	3,605,420	
05	Nguyễn Thị Thùy	Địa 9		11	8	3	4	3	0	18	0	18	179,586	3,232,548	
06	Lê Thị Thùy Trang	Hóa 9, KHTN 8		27	28	23	32	16	0	99	0	99	127,337	12,606,363	
07	Nguyễn Ngọc Bích	Sư 9, LS - DL 8		27	24	15	20	11	0	70	0	70	192,793	13,495,510	
08	Nguyễn Thanh Bình	Sinh 8		11	8	9	12	5	0	34	0	34	107,912	3,669,008	
09	Trương Văn Hoài	Vật lý 9	Chủ nhiệm lớp 8,9	27	20	21	28	11	0	80	0	80	176,961	14,156,880	
Tổng cộng				27	180	137	184	90	0	591	0	591		106,351,094	

Kết toán với số tiền là : Sáu mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi bốn ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng/.

Người lập bảng

Trương Văn Hoài



Ngày 16 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Chi

BẢNG TỔNG HỢP GIỜ DẠY THÊM

THÁNG 01 NĂM 2024

Sĩt	Họ và tên	Môn dạy	Số học viên	Số tiết thực dạy	TL dạy thêm 1 giờ	Tổng số tiền dạy thêm giờ	Ghi chú
01	Trương Mộng Linh	Toán 9	9	24	217,877	5,229,048	
02	Đào Thị Ngọc Xuyên	Văn 9	9	24	188,932	4,534,368	
03	Phạm Ngọc Phương	Sinh 9	9	8	176,516	1,412,128	
04	Trần Minh Trọng	Lý 9	9	8	249,323	1,994,584	
05	Nguyễn Văn Hợp	Địa 9	9	8	192,793	1,542,344	
06	Cao Minh Hào	Sử 9	9	8	228,827	1,830,616	
07	Phạm Thanh Tùng	Hóa 9	9	8	127,263	1,018,104	
08	Huỳnh Thanh Liêm	CN9	9	4	264,081	1,056,324	
Tổng cộng				92	1,645,612	18,617,516	

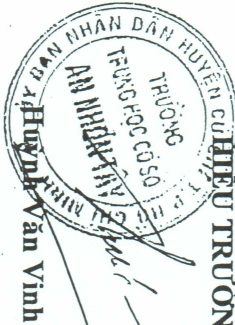
Kết toán với số tiền là : Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn một trăm mười bảy đồng./.

Người lập bảng

Huỳnh Thanh Liêm

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Văn Vinh